TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:75/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-8-2022.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Phong.

2. Bà Nguyễn Thị Thiểu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện D, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Thành L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã P, huyện D, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 1999, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Chị và anh L chung sống tại nhà cha, mẹ chị được 01 năm thì cất nhà ra ở riêng. Năm 2000, chị và anh L xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung tên Mai Vạn Phúc, sinh ngày 19-9-2000 đang sống với chị, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai của bị đơn anh Mai Thành L thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh N:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Không công chị Nguyễn Thị Thu H và anh Mai Thành L là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Mai Vạn Phúc, sinh ngày 19-9-2000 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Mai Thành L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H và anh L đã xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2000 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh L, anh L cũng đồng ý ly hôn chị H. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Mai Vạn Phúc, sinh ngày 19-9-2000 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Mai Thành L.

2. Về con chung: Cháu Mai Vạn Phúc, sinh ngày 19-9-2000 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024045 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh N; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị H, anh L biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

Lê Ngọc Đững